

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 21-03-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 59/2021/TLST-DSTC ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DSTC ngày 21/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DSTC ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện LN, tỉnh BG.

Bị đơn: Anh Phạm Quang H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Chị Vi Ngọc A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện LN, tỉnh BG

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/09/2021 cùng các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và vợ chồng anh Phạm Quang H, chị

Vi Ngọc A có quan hệ quen biết. Vợ chồng anh H, chị A có vay tiền của chị nhiều lần từ tháng 06/2015 đến tháng 08/2015 tổng số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/06/2015 (âm lịch) anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả nợ không ấn định, mục đích vay tiền của anh H để làm ăn kinh tế,

Lần 2: Ngày 17/08/2015 (âm lịch) anh H vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ, không ấn định thời gian trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, mục đích vay tiền của anh H để làm ăn kinh tế.

Kể từ ngày vay đến trước khi anh khởi kiện thì anh H đã trả cho chị số tiền lãi như sau:

Khoản tiền 50.000.000 đồng từ ngày vay tính đến ngày 15/12/2015 (âm lịch) anh H đã trả được số tiền lãi là 6.000.000 đồng;

Khoản tiền 150.000.000 đồng từ ngày vay tính đến ngày 17/12/2015 (âm lịch) anh H đã trả được số tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Do cần tiền nên tháng 06/2019 vợ chồng chị có thông báo cho vợ chồng anh H trả tiền cho vợ chồng chị nhưng vợ chồng anh H không trả. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H trả vợ chồng chị khoản tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay tính từ ngày 17/12/2015 (âm lịch) cho đến khi xét xử với lãi suất là 10%/năm. Đối với khoản tiền lãi của khoản tiền vay chị đã nhận của anh H, chị đề nghị Tòa án tính lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm, trong trường hợp tiền lãi đã trả cao hơn quy định thì phần tiền thừa chị đồng ý trừ vào tiền gốc cho vợ chồng anh H, chị A.

Bị đơn là Phạm Quang H và chị Vi Ngọc A đã được Toà án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên chị A, anh H không có ý kiến trình bày gửi Toà án về nội dung chị T khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh H, chị A vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị anh Phạm Văn T trình bày: Anh là chồng của chị T, những lời khai của chị T đã trình bày tại Toà án anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Áp dụng các Điều 26, 147, 184, 227, 228 BLTTDS; Điều 471, 474, 476, 477 BLDS 2005; điểm c khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 4; Điều 6 Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng TPTANDTC; Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh H, chị A phải trả chị T, anh T tổng số tiền 298.949.000 đồng, trong đó tiền gốc 189.191.780 đồng, tiền lãi 109.757.149 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A, anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh H, chị A vắng mặt lần 2 không có lý do, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của chị Phạm Thị T, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Trong thời gian từ ngày 15/06/2015 (âm lịch) tức 30/07/2015 đến ngày 17/08/2015 (âm lịch) tức ngày 29/09/2015 vợ chồng chị Phạm Thị T có cho vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A vay 02 lần tổng số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15/06/2015 (âm lịch) tức 30/07/2015 anh H, chị A vay số tiền 50.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 17/08/2015 (âm lịch) tức ngày 29/09/2015 anh H, chị A vay số tiền 150.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả không ấn định, chỉ thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng chị T đòi sẽ thông báo cho vợ chồng anh H, chị A trước một thời gian.

Kể từ ngày vay anh H đã thanh toán trả cho vợ chồng chị T số tiền lãi như sau:

- Số tiền 50.000.000 đồng anh H đã trả được 6.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 15/12/2015 (âm lịch) tức ngày 24/01/2016;

- Số tiền 150.000.000 đồng anh H đã trả được 12.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 17/12/2015 (âm lịch) tức ngày 26/01/2016.

Vợ chồng chị T đã thông báo cho vợ chồng anh H, chị A nhiều lần để đòi tiền tuy nhiên vợ chồng anh H, chị A không thanh toán khoản tiền đã vay.

Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc vợ chồng chị A, anh H không đưa ra ý kiến của mình về việc chị T khởi kiện. Do đó việc chị T yêu cầu vợ chồng anh H, chị A trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 471, Điều 476; Điều 478 BLDS 2005.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 200.000.000 đồng của chị Phạm Thị T tính từ ngày 17/12/2015 (âm lịch) tức ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa chị T và vợ chồng anh H, chị A là hợp đồng vay không có kỳ hạn, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Tại phiên toà hôm nay, chị T xác nhận đã nhận của vợ chồng anh H, chị A số tiền lãi của khoản tiền vay là 18.000.000 đồng, chị T đồng ý tính lại lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay của hai khoản tiền đến ngày 26/01/2016, trường hợp tiền lãi anh H trả thừa thì chị T đồng ý trừ vào tiền gốc đã vay. Xét về lãi suất chị T yêu cầu HĐXX thấy: Việc tính lãi của khoản vay giữa chị T và vợ chồng chị A, anh H được tính như sau:

Lãi suất của khoản tiền trước ngày 30/01/2016 được tính theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2005.

Lãi suất của khoản tiền vay từ ngày 01/01/2017 được tính theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2015.

Lãi suất 10%/năm chị T đề nghị áp dụng tính lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần được chấp nhận để tính lãi suất của khoản tiền vay.

Lãi suất của khoản vay 50.000.000 đồng tính từ ngày 15/06/2015 (âm lịch) tức 30/07/2015 đến ngày 15/12/2016 (âm lịch) tức ngày 24/01/2016 là 178 ngày được tính theo mức lãi suất 10%/năm, mức lãi cụ thể: $50.000.000 \text{ đồng} \times 178 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 2.438.300 \text{ đồng}$.

Lãi suất của khoản vay 150.000.000 đồng tính từ ngày 17/08/2015 (âm lịch) tức ngày 29/09/2015 đến ngày 17/12/2016 (âm lịch) tức ngày 26/01/2016 là 119 ngày với mức lãi suất 10%/năm, mức tiền lãi là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 119 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 4.890.400 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi là 7.328.700 đồng.

Số tiền lãi anh H đã trả là 18.000.000 đồng, do đó, số tiền được trừ vào tiền gốc là 10.671.300. Vậy, số tiền nợ gốc của vợ chồng anh H, chị A còn nợ vợ chồng chị T là 189.328.700 đồng. Do đó, tiền lãi của khoản tiền nợ gốc tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử 21/03/2022 sẽ được tính như sau.

Lãi suất của khoản tiền 189.291.600 đồng tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày 21/03/2022 là 2246 ngày, lãi suất được tính cụ thể là: $189.328.300 \text{ đồng} \times 2246 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 116.502.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị Vi Ngọc A và anh Phạm Quang H phải trả

là: 305.830.700 đồng trong đó tiền nợ gốc là 189.328.300 đồng và 116.502.000 đồng tiền lãi.

[2.3] Thời điểm ký giấy vay tiền anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A là vợ chồng, việc anh H, chị A vay tiền của chị T là dùng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, cần buộc anh H, chị A có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản tiền đã vay cho vợ chồng chị T là đảm bảo theo Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Số tiền chị T cho vợ chồng anh H, chị A vay là tiền chung của vợ chồng chị T nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng chị T, anh T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải chịu toàn bộ án phí DSST. Tuy nhiên, do anh H, chị A thuộc hộ nghèo nên anh H, chị A được miễn án phí theo Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 11, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T:

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị Vi Ngọc A và anh Phạm Quang H phải trả là: 305.830.700 đồng trong đó tiền nợ gốc là 189.328.300 đồng và 116.502.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A được miễn án phí DSST.

Hoàn trả chị Phạm Thị T số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013302 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định